TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 374/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 09-7-2019
V/v: "Tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Xuân Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lệ Hằng.

2. Ông Trần Phú Nhuận.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Phương – Là Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 10 tham gia phiên tòa: Bà Mạnh Thị Tú Uyên - Kiểm Sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 74/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2019 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 54/2018/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Tú L, sinh năm 1995 (có mặt).
Địa chỉ thường trú: Thôn 3, xã Diên P, huyện Diên K, tỉnh Khánh Hòa.
Địa chỉ tạm trú: 177/45 đường B Tháng H, Phường 14, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Ông Trần Quốc Đ, sinh năm 1987 (vắng mặt).
Địa chỉ: 595/29A đường Cách Mạng Tháng T, Phường 15, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn và các bản khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tú L trình bày:

Năm 2013 bà và ông Trần Quốc Đ tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 15, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. Giấy chứng nhận kết hôn số 35 ngày 24/3/2018. Cuộc sống vợ chồng trong thời gian chung sống không có hạnh phúc, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng luôn bất đồng với nhau về quan điểm sống, lối sống. Ông Đ ham mê cờ bạc thường xuyên đi chơi suốt đêm, thậm chí có khi bỏ đi chơi mấy ngày mới về nhà. Ông Đ không quan tâm đến bà L. Bà L nhiều lần góp ý, nhắc nhở nhưng ông Đ không thay đổi

nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt. Từ tháng 10 năm 2018 đến nay bà và ông Đ mỗi người sống một nơi, vợ chồng không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Do vợ chồng không còn có khả năng đoàn tụ, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng và tình cảm vợ chông không còn nên bà L yêu cầu ly hôn với ông Đ.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà L khai không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 phát biểu ý kiến:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến thời điểm hiện nay, thấy rằng Tòa án thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Tòa án đã tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho các đương sự.

Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án là vi phạm khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa ngày hôm nay, bị đơn vắng mặt đến lần thứ 2 mà không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Bà Nguyễn Thị Tú L có đơn khởi kiện ly hôn với ông Trần Quốc Đ, đây là quan hệ pháp luật về "Tranh chấp ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Trần Quốc Đạt cư trú tại Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10 theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trần Quốc Đ đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án nhưng ông Đ không cung cấp chứng cứ, không đến Tòa án làm bản khai để phản bác yêu cầu của nguyên đơn, từ bỏ quyền lợi hợp pháp của mình, do đó Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để giải quyết vụ án. Ngoài ra, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bị đơn ông Trần Quốc Đ nhưng ông Đ vắng mặt tại phiên hòa giải mà không có lý do. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tú L đề nghị không tiến hành hòa giải nên Tòa án không tiến hành hoà giải được vụ án. Tại phiên tòa ngày hôm nay, ông Đ vắng mặt đến lần thứ 2 mà không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về yêu cầu của đương sự:

[2.1]. Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tú L: Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 35 ngày 24/3/2018 của Ủy ban nhân dân Phường 15, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông Đ là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Căn cứ vào lời khai của bà Linh cho thấy ông Đ và bà L về chung sống với nhau từ ngày 14/3/2018. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do ông Đ ham chơi không quan tâm đến cuộc sống gia đình. Bà L nhiều lần góp ý, nhắc nhở nhưng ông Đ không thay đổi nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt do đó từ tháng 10/2018 bà L và ông Đ mỗi người sống một nơi, vợ chồng không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Việc ông Đ và bà L không chung sống với nhau mà không có thỏa thuận và cũng không phải vì nhiệm vụ học tập, công tác hoặc yêu cầu nghề nghiệp là vi phạm Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình: "Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ chung sống với nhau...". Mặt khác trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành hòa giải để vợ chồng có cơ hội hàn gắn tình cảm, đoàn tụ gia đình nhưng ông Đ không tham gia phiên hòa giải. Bà L đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án và cương quyết yêu cầu ly hôn với ông Đ. Điều này cho thấy bà L và ông Đ không còn thiết tha gì với cuộc hôn nhân này. Tình trạng hôn nhân giữa bà Linh và ông Đạt đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nếu có tiếp tục duy trì thì cuộc hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai. Do vậy, yêu cầu ly hôn của bà L là có căn cứ, phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử cần chấp nhận cho bà L được ly hôn với ông Đ.

[2.2]. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà L khai không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[3]. Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Bà L là nguyên đơn khởi kiện ly hôn, nên phải chịu án phí 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 266 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 19, khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Tú L được ly hôn với ông Trần Quốc Đ.

1.2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Đương sự khai không có nên Tòa án không giải quyết.

2. Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: 300.000 (ba trăm nghìn) đồng bà Nguyễn Thị Tú L chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số AA/2018/0016922 ngày 18/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà L đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tú L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông Trần Quốc Đ có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 10;
- Chi cục THADS Quận 10;
- UBND P15, Q10 (để ghi sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Xuân Hương